TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105 /2018/HS-ST
Ngày: 03/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST-HS ngày 20/9/2018, đối với bị cáo:

Trần Trung H, sinh ngày 18/4/1997 tại Tuyên Quang

Nơi cư trú: Tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang V và bà Phạm Thị Nh; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02/01/2018, Công an phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 239/QĐ-XPVPHC, phạt tiền 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Ông Bùi Minh Kh, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Th; sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Lưu Văn H, sinh ngày 05/01/2000; nơi cư trú: xóm G, xã Th, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong hai ngày 11 và 12 tháng 4 năm 2018, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Trung H (đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản) đã hai lần có hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 11/4/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 22H7- 4699 (là xe của ông Trần Quang V bố đẻ bị cáo) đi chơi, khi đi đến nhà ông Nguyễn Văn Đ, trú tại tổ 1 phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo nhìn thấy có 02 bánh xe máy cày bằng kim loại để trên đống cát phía đầu hồi nhà, không có người trông coi nên bị cáo đã nảy sinh trộm cắp mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo dừng xe, bê 2 bánh máy cày để lên yên xe rồi chở đến nhà chị Đinh Thị Th, trú tại tổ 16, phường T, là người thu mua phế liệu, bán cho chị Th với số tiền 270.000 đồng (khi bán bị cáo nói là tài sản của mình). Số tiền thu được bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 12/4/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô 22H7 – 4699 (là xe của ông Trần Quang V bố đẻ bị cáo) đến quán Internet "Điểm Hẹn" thuộc tổ 7 phường T chơi, tại đây bị cáo gặp Lưu Văn H đang chơi ở quán, bị cáo rủ H ra khu vực bờ sông Lô xem tập huấn cứu hộ, H đồng ý. Khi cả hai đi đến xưởng cơ khí của anh Bùi Minh Kh ở tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo thấy cửa xưởng cơ khí mở, không ai trông coi nên bị cáo rủ H vào xưởng trộm sắt đem bán, H đồng ý. H đứng ngoài cảnh giới còn bị cáo vào xưởng bê 02 miếng kim loại và 01 trục kim loại hình trụ mang ra để lên yên xe, sau đó bị cáo tiếp tục quay lại lấy thì bị anh Kh phát hiện giữ lại, báo Công an phường T lên giải quyết.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ xe mô tô BKS 22H7 – 4699 (là xe của ông Trần Quang V bố đẻ bị cáo); 02 bánh máy cày bằng kim loại có vành hình tròn; 02 miếng kim loại bằng sắt; 01 trục kim loại hình trụ trọng lượng (là tài sản bị cáo đã trộm cắp được).

Tại bản kết luận số 40/KLGĐ, ngày 20/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang kết luận: 02 bánh máy cày bằng kim loại có vành hình tròn trọng lượng là 50kg, trị giá 600.000 đồng; 02 miếng kim loại bằng sắt kích thước (35x30x1) cm trọng lượng 15,6kg trị giá 100.000 đồng; 01 trục kim loại hình trụ chiều dài 38cm trọng lượng 15,2kg trị giá 96.000 đồng.

Ngày 31/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô BKS 22H7-4699 cho ông Trần Quang V; 02 bánh máy cày cho ông Nguyễn Văn Đ; 01 trục kim loại hình trụ, 02 miếng kim loại bằng sắt cho anh Bùi Minh Kh. Ông Đ, anh Kh không có yêu cầu gì.

Trong giai đoạn Toà án chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện bồi hoàn 270.000 đồng cho bà Th, bà Th không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKSTP ngày 10 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Trung H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Trung H về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trung H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến gì về kết luận số 40/KLĐG, ngày 20/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang và nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang; không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Các bị hại Nguyễn Văn Đ và Bùi Minh Kh đều xác nhận số lượng, chủng loại tài sản bị mất đúng như lời khai của bị cáo Trần Trung H và hiện đã nhận lại đầy đủ số tài sản đã bị Trần Trung H trộm cắp. Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm đồng thời đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Th, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt) nhưng trong giấy xác nhận ngày 01/10/2018 bà Th xác nhận bị cáo đã hoàn trả cho bà số tiền 270.000 đồng mà bà đã trả cho bị cáo khi mua của bị cáo 02 bánh máy cày bằng kim loại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trung H tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật; biên bản xác minh hiện trường; kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 11 và ngày 12/4/2018, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị cáo Trần Trung H đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 11/4/2018 tại nhà ông Nguyễn Văn Đ trú tại tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Trung H đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông Đ 02 chiếc bánh xe máy cày bằng kim loại, trị giá 600.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 12/4/2018, tại xưởng cơ khí của ông Bùi Minh Kh, trú tại tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Trung H đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông Kh 02 miếng kim loại và 01 trục kim loại hình trụ, trị giá 196.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi; trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản; hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả; tại phiên toà các bị hại đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cả hai lần đều cấu thành tội phạm (dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn vi phạm) do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " Phạm tội từ hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị

an tại địa phương; bị cáo phạm tội nhiều lần. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ"*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên, đang ở cùng với bố đẻ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: các bị hại Nguyễn Văn Đ, Bùi Minh Kh đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị Th đã được bị cáo hoàn trả số tiền 270.000 đồng đúng như yêu cầu và đều không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Lưu Văn H, giá trị tài sản dưới 2.000.000đ, không bị xử phạt hành chính hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Công an thành phố Tuyên Quang đã ra quyết định xử phạt hành chính (phạt tiền 1.500.000đ) do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Trung H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Trần Trung H **07** (bẩy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Trung H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; các bị hại (*Nguyễn Văn Đ và Bùi Minh Kh*), có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*Bà Đinh Thị Th*) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án (về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tân **Lê Thị Thảo** **Nguyễn Tuấn Vinh**